

DOI:10.22144/ctu.jvn.2019.134

NHẬN THỨC NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI NGÀNH DU LỊCH CỦA SINH VIÊN NGÔN NGỮ PHÁP, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Đào Vũ Hương Giang^{1*}, Đào Ngọc Cảnh² và Huỳnh Văn Đà²

¹Sinh viên ngành Việt Nam học, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

²Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Đào Vũ Hương Giang (email: giangb1409969@student.ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 08/06/2019

Ngày nhận bài sửa: 27/07/2019

Ngày duyệt đăng: 30/10/2019

Title:

Career awareness of the tourism industry by French language students from Can Tho University

Từ khóa:

Ngôn ngữ Pháp, Nhân lực du lịch, nhận thức nghề nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ

Keywords:

Can Tho University, career awareness, French language, tourism human resources

ABSTRACT

Tourism human resources play a decisive role in tourism development. In recent years, the number of international tourists to Vietnam has increased dramatically, requiring the development of international tourism human resources, including French tourism labours. In fact, French speaking labours in tourism are mostly graduates in French Language. Therefore, raising awareness of tourism for French Language students will contribute to responding the demand of French speaking human resources in tourism. This study surveyed career awareness of the tourism industry of 120 French language students at Can Tho University. Research outcomes showed that most of students realize employment opportunities in the tourism industry, but still lack of knowledge and skills about tourism. For that reason, these students need to be equipped with more knowledge and skills about tourism, as well as need to link French language training with tourism training. Since then, a number of solutions were proposed to improve career awareness for students of French Language, meeting the requirements of French speaking tourism human resources in the current international integration trend.

TÓM TẮT

Nguồn nhân lực du lịch đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển du lịch. Trong những năm gần đây, lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam tăng lên mạnh mẽ đòi hỏi phải đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực du lịch quốc tế, trong đó có nguồn nhân lực du lịch tiếng Pháp. Trên thực tế, nguồn nhân lực du lịch tiếng Pháp ở Cần Thơ hầu hết là sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Pháp. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức về du lịch cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Pháp sẽ góp phần đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực du lịch tiếng Pháp. Nghiên cứu này khảo sát nhận thức nghề nghiệp đối với ngành du lịch của 120 sinh viên ngành Ngôn ngữ Pháp, Trường Đại học Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết sinh viên đều thấy rõ cơ hội việc làm trong ngành du lịch, nhưng còn thiếu các kiến thức và kỹ năng du lịch. Do đó, sinh viên cần được trang bị thêm kiến thức và kỹ năng du lịch, cũng như nên gắn kết đào tạo ngành Ngôn ngữ Pháp với đào tạo ngành Du lịch. Từ đó, nghiên cứu này đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Pháp, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực du lịch tiếng Pháp trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay.

Trích dẫn: Đào Vũ Hương Giang, Đào Ngọc Cảnh và Huỳnh Văn Đà, 2019. Nhận thức nghề nghiệp đối với ngành du lịch của sinh viên ngôn ngữ pháp, Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(5C): 98-106.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Nguồn nhân lực du lịch tức là lực lượng lao động trong ngành du lịch, bao gồm từ lao động quản lý đến nhân viên phục vụ trong các cơ quan quản lý du lịch và các cơ sở sản xuất, kinh doanh du lịch với nhiều loại hình công việc có chuyên môn rất đa dạng. Nguồn nhân lực du lịch luôn được coi là yếu tố quyết định hàng đầu trong phát triển du lịch. Vì vậy, vấn đề phát triển nguồn nhân lực du lịch đã được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước.

Tổ chức lao động thế giới (ILO, 2004) đã đề cập đến lý thuyết chung về lao động du lịch như khái niệm, đặc điểm lao động du lịch và vấn đề thống kê lao động trong ngành du lịch. David and Jeffrey (2013) đã áp dụng các phương pháp ngắn hạn và dài hạn để xử lý các vấn đề lao động trong ngành khách sạn và du lịch. Qua đó, các tác giả khuyến khích các doanh nghiệp khách sạn và du lịch xây dựng chiến lược dài hạn trong quản lý nguồn nhân lực của mình.

Ở Việt Nam, vấn đề phát triển nguồn nhân lực du lịch đang trở thành một vấn đề “nóng”, được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu và diễn đàn xã hội. Theo Huỳnh Quốc Thắng (2019), năng lực, trình độ, phẩm chất, phong cách phục vụ, giao tiếp... của người làm du lịch (nhân lực du lịch) vừa là yếu tố sáng tạo ra sản phẩm vừa là một bộ phận quan trọng của chất lượng sản phẩm du lịch, là điều kiện quyết định tạo ra “bộ mặt”, “thương hiệu” du

lịch của quốc gia, địa phương, đơn vị.

Trong những năm gần đây, lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam tăng lên mạnh mẽ. Theo đánh giá của Tổng cục Du lịch, trong vòng 3 năm 2015 – 2018, lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đã tăng gấp 2 lần so với kết quả tích lũy suốt 55 năm trước đó, tốc độ tăng trưởng khách liên tục đạt gần 30%/năm (Ngô Hoài Chung, 2019).

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách du lịch quốc tế đến Việt Nam, cần phải có nguồn nhân lực du lịch quốc tế, nhất là đội ngũ hướng dẫn viên du lịch quốc tế. Tuy nhiên, đây là một thách thức lớn đối với ngành du lịch nước ta.

Theo báo cáo Quy hoạch phát triển nhân lực du lịch giai đoạn 2011-2020, nhân lực du lịch biết ngoại ngữ nhiều nhất là tiếng Anh, chiếm khoảng 42% nhân lực toàn ngành. Nhân lực du lịch sử dụng tiếng Trung, tiếng Pháp và các tiếng khác với tỷ lệ tương ứng là 5%, 4% và 9% nhân lực toàn ngành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2011).

Đối với thành phố Cần Thơ (TP. Cần Thơ) – trung tâm du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), nhu cầu về nhân lực du lịch quốc tế nói chung, nhân lực du lịch tiếng Pháp nói riêng là vấn đề rất đáng quan tâm. Trong thời gian vừa qua, lượng khách du lịch quốc tế đến TP. Cần Thơ có xu hướng tăng nhanh. Trong đó, du khách Pháp luôn đứng đầu trong số du khách quốc tế đến TP. Cần Thơ (Bảng 1).

Bảng 1: Mười quốc gia đứng đầu về lượng du khách đến TP. Cần Thơ

| TT | Quốc tịch | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 |
|-----|------------|--------|--------|--------|--------|
| 1. | Pháp | 29.216 | 32.568 | 42.315 | 46.179 |
| 2. | Đức | 21.456 | 21.165 | 25.183 | 29.250 |
| 3. | Hoa Kỳ | 16.360 | 16.680 | 17.926 | 27.130 |
| 4. | Anh | 14.065 | 12.374 | 14.550 | 19.114 |
| 5. | Australia | 15.973 | 13.281 | 15.437 | 18.734 |
| 6. | Hà Lan | 7.488 | 8.803 | 10.035 | 15.216 |
| 7. | Đài Loan | 3.907 | 4.180 | 4.941 | 11.971 |
| 8. | Hàn Quốc | 4.970 | 6.036 | 6.947 | 11.859 |
| 9. | Trung Quốc | 1.752 | 5.478 | 5.122 | 10.829 |
| 10. | Canada | 5.526 | 4.485 | 8.427 | 9.582 |

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch TP. Cần Thơ, 2018.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực tiếng Pháp nói chung và hướng dẫn viên tiếng Pháp nói riêng ở TP. Cần Thơ còn rất thiếu. Theo Cơ sở dữ liệu trực tuyến của Tổng cục Du lịch (2019), số hướng dẫn viên du lịch tiếng Pháp được cấp thẻ tại TP. Cần Thơ chỉ có 28 người. Con số này là quá ít so với số SV đã tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Pháp cũng như so với số lượng du khách Pháp đến TP. Cần Thơ. Chưa kể số lượng khách tiếng Pháp đến từ các nước khác thuộc

cộng đồng Pháp ngữ như Bỉ, Thụy Sĩ, Canada, Monaco, ...

Theo Nguyễn Minh Thư (2019), thị trường du lịch hiện nay đang thiếu trầm trọng nguồn lực các hướng dẫn viên tiếng Pháp vừa đảm bảo kỹ năng nghiệp vụ vừa đảm bảo khả năng ngoại ngữ. Do thiếu hướng dẫn viên tiếng Pháp nên nhiều doanh nghiệp du lịch phải áp dụng giải pháp tình thế là sử dụng SV đang học ngành Ngôn ngữ Pháp làm cộng

tác hướng dẫn khách du lịch tiếng Pháp với danh nghĩa là phiên dịch viên.

Trong xu thế hội nhập hiện nay, SV tốt nghiệp ngành Ngoại ngữ tham gia làm việc trong lĩnh vực du lịch ngày càng nhiều. Đặc biệt, đội ngũ hướng dẫn viên du lịch tiếng Pháp hầu hết là SV tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Pháp. Vì vậy, một trong những giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch tiếng Pháp là phải nâng cao nhận thức nghề nghiệp đối với ngành du lịch cho SV ngành Ngôn ngữ Pháp, tạo điều kiện cho SV chuẩn bị những kiến thức và kỹ năng du lịch để nâng cao cơ hội tìm việc trong lĩnh vực du lịch, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch nói chung, nhân lực du lịch tiếng Pháp nói riêng trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp

Các dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các công trình nghiên cứu, các báo cáo thường niên, báo cáo tự đánh giá, số liệu thống kê của Tổng cục Du lịch, của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch TP. Cần Thơ và các nguồn thông tin tư liệu khác trong thập kỷ hiện nay.

Đặc biệt, nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ Quy hoạch phát triển nhân lực du lịch giai đoạn 2011-2020 (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2011) và Báo cáo kỹ thuật Nghiên cứu khảo sát về nhân lực du lịch 3 tỉnh ĐBSCL: TP. Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang (ESRT, 2015).

Ngoài ra, các dữ liệu về đào tạo ngành Ngôn ngữ Pháp, Trường Đại học Cần Thơ cũng được quan tâm thu thập như chỉ tiêu tuyển sinh, chương trình đào tạo, việc làm của SV tốt nghiệp.

2.2 Phương pháp điều tra và xử lý dữ liệu sơ cấp

Phương pháp điều tra bằng bảng câu hỏi được sử dụng để thu thập dữ liệu sơ cấp liên quan đến nhận thức nghề nghiệp đối với ngành du lịch của SV Ngôn ngữ Pháp, Trường Đại học Cần Thơ. Bảng câu hỏi gồm hai phần: phần 1 là thông tin về người trả lời câu hỏi; phần 2 là các câu hỏi khảo sát với 44 câu dưới 3 dạng: (1) dạng câu hỏi cung cấp thông tin; (2) dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; (3) dạng câu hỏi theo thang Likert 5 mức độ. Tổng số mẫu khảo sát là 120 SV ngành Ngôn ngữ Pháp đang học ở trường. Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS for Window dưới dạng thống kê mô tả.

3 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NHẬN THỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN

3.1 Vấn đề nhận thức nghề nghiệp của sinh viên

Có thể hiểu rằng: Nhận thức nghề nghiệp của SV là những hiểu biết về nghề nghiệp được đào tạo, bao

gồm vốn kiến thức, kỹ năng chuyên môn của ngành học và hiểu biết về nghề nghiệp tương lai sau khi tốt nghiệp ngành học đó. Nhận thức nghề nghiệp của SV là cơ sở cho định hướng việc làm sau khi SV tốt nghiệp ra trường.

Trong công trình nghiên cứu về việc làm cho SV tốt nghiệp, Hing and Lomo (1997) cho rằng SV cần được thông báo về các cơ hội và điều kiện việc làm trước khi bắt đầu một chương trình giáo dục để giảm thiểu khoảng cách giữa kỳ vọng và nhận thức của người học. Stefanescu (2012) đã phân tích các động lực, kỳ vọng và nhận thức của SV trong việc lựa chọn chương trình học và mức độ áp dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào ngành du lịch và khách sạn vừa như một chương trình học tập, vừa là con đường sự nghiệp.

Việt Nam cũng có nhiều nghiên cứu về nhận thức nghề nghiệp của SV. Nguyễn Thị Thu Trang (2017) cho rằng trong những năm gần đây, tình trạng SV ra trường không có việc làm hay làm không đúng ngành nghề đang ở mức đáng báo động. Một trong những nguyên nhân cơ bản của tình trạng này là SV chưa có nhận thức đúng về nghề nghiệp được đào tạo, thiếu định hướng nghề nghiệp, chạy theo xu hướng thị trường một cách cảm tính; không tâm huyết với nghề, không trau dồi kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp,...

Các tác giả Phạm Thị Lan Hương và Trần Triệu Khôi (2010); Dương Thị Thoan (2013); Đào Thị Thu (2017); Hoàng Thị Kim Oanh và *ctv.* (2017) đã đánh giá nhận thức nghề nghiệp của SV đối với các ngành Quản trị Marketing, Sư phạm, Giáo dục mầm non và Lâm nghiệp; phân tích mối quan hệ giữa nhận thức nghề nghiệp với cơ hội việc làm sau khi SV tốt nghiệp. Từ đó, các tác giả đã đề ra giải pháp nâng cao nhận thức nghề nghiệp, gia tăng cơ hội việc làm cho SV.

3.2 Vấn đề nhận thức về nghề du lịch của sinh viên ngành Ngôn ngữ Pháp

Trong thời đại ngày nay, du lịch đã trở thành nhu cầu thiết yếu của con người trên toàn thế giới, thị trường du lịch ngày càng mở rộng. Ngành du lịch đã trở thành ngành kinh doanh lớn nhất, đem lại lợi nhuận cao và có vai trò trọng yếu trong nền kinh tế toàn cầu cũng như của nhiều quốc gia trên thế giới.

Theo số liệu của Tổ chức Du lịch thế giới, lượng khách du lịch quốc tế năm 2018 trên toàn thế giới đạt 1,4 tỷ lượt người, tăng 74 triệu lượt so với năm 2017, đạt mức tăng trưởng gần 6% (Khánh Trang, 2019). Đối với Việt Nam, lượng du khách quốc tế cũng tăng rất nhanh. Năm 2018, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 15,6 triệu lượt người. Trong đó,

du khách đến từ Pháp đạt 279.659 lượt người (Tổng cục Du lịch, 2019).

Lượng khách du lịch quốc tế tăng nhanh tạo nhiều cơ hội việc làm cho SV ngoại ngữ, trong đó có ngành Ngôn ngữ Pháp. Sau khi tốt nghiệp, SV Ngôn ngữ Pháp có thể làm việc ở nhiều lĩnh vực như: hướng dẫn viên du lịch tiếng Pháp, lễ tân tiếng Pháp, biên dịch - phiên dịch tiếng Pháp, biên tập viên, phát ngôn viên tiếng Pháp ở các cơ quan thông tấn báo chí, các đài phát thanh và truyền hình, v.v...

Mặc dù cơ hội việc làm của ngành Ngôn ngữ Pháp rất đa dạng, nhưng không được định hình rõ ràng. SV Ngôn ngữ Pháp có thể có năng lực tiếng Pháp nhưng lại thiếu các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cụ thể.

Đối với ngành du lịch, ngoài năng lực tiếng Pháp thì SV phải có năng lực chuyên môn về du lịch. Vì vậy, nâng cao nhận thức về du lịch sẽ giúp SV tích lũy kiến thức và kỹ năng du lịch, góp phần nâng cao chất lượng nhân lực du lịch tiếng Pháp, đồng thời gia tăng cơ hội việc làm đối với SV.

4 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1 Đặc điểm đối tượng khảo sát

Số đối tượng được khảo sát là 120 SV Ngôn ngữ Pháp. Sau khi sàng lọc, còn 115 quan sát đủ điều kiện để đưa vào xử lý. Số lượng mẫu phân theo khóa học (K) của SV chủ yếu từ K41 đến K44. Ngoài ra, có 2 trường hợp là SV K40 chậm tiến độ (Bảng 2).

Về giới tính có sự chênh lệch đáng kể giữa nữ và nam, tỷ lệ nữ chiếm 75,7%. Về độ tuổi, các đáp viên trong khoảng từ 19 đến 25 tuổi. Trong đó, chiếm tỷ

lệ cao nhất là 21 tuổi (27%), tiếp theo là 22 tuổi (25,2%); 20 tuổi (22,6%) và 19 tuổi (14,8%). Các độ tuổi từ 23-25 tuổi giảm rõ rệt: 23 tuổi (7%); 24 tuổi (2,6%), 25 tuổi (0,9%).

Về quê quán, phần lớn SV ở các tỉnh, thành thuộc vùng ĐBSCL. Trong đó, SV ở TP. Cần Thơ chiếm tỷ lệ cao nhất (54,8%), tiếp theo là tỉnh Vĩnh Long (11,3%), các tỉnh còn lại chiếm tỷ lệ thấp (dưới 10%).

Bảng 2: Đối tượng SV được khảo sát phân theo khóa học

| | K40 | K41 | K42 | K43 | K44 | Tổng |
|-----------|-----|------|------|------|------|------|
| Số lượng | 2 | 34 | 30 | 30 | 19 | 115 |
| Tỷ lệ (%) | 1,7 | 29,6 | 26,1 | 26,1 | 16,5 | 100 |

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2019 (N=115)

Về nguồn tuyển sinh đầu vào, phần lớn SV thi vào từ khối D1-tiếng Anh (86,1%); số SV thi vào từ khối D3-tiếng Pháp chiếm tỷ lệ thấp (13,9%).

Về trình độ tiếng Pháp hiện tại, đa số SV tự đánh giá ở mức khá (45,2%) và trung bình (44,3%). Có 7,8% SV tự đánh giá ở mức tốt và 0,9% SV tự đánh giá ở mức rất tốt. Như vậy, có 98,3% SV tự đánh giá trình độ tiếng Pháp từ trung bình trở lên. Ngoài ra, có 1,7% SV tự đánh giá trình độ tiếng Pháp yếu.

Về lý do vào học ngành Ngôn ngữ Pháp, phần lớn SV cho rằng do ý thích của bản thân hoặc mong muốn của gia đình. Các lý do khác như hướng nghiệp của nhà trường và tư vấn của thầy cô chiếm tỷ lệ thấp cho thấy hoạt động tư vấn hướng nghiệp ở trường phổ thông còn hạn chế, kém hiệu quả (Bảng 3).

Bảng 3: Lý do SV vào học ngành Ngôn ngữ Pháp

| | Tần suất | Tỷ lệ theo số ý kiến | Tỷ lệ theo số mẫu |
|-----------------------------|----------|----------------------|-------------------|
| Ý thích của bản thân | 81 | 61,8% | 70,4% |
| Mong muốn của gia đình | 16 | 12,2% | 13,9% |
| Hướng nghiệp của nhà trường | 6 | 4,6% | 5,2% |
| Tư vấn của thầy cô | 9 | 6,9% | 7,8% |
| Tác động của bạn bè | 11 | 8,4% | 9,6% |
| Khác | 8 | 6,1% | 7,0% |
| Tổng | 131 | 100,0% | 113,9% |

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2019 (N=115)

Về mức độ hài lòng với ngành học hiện tại, theo thang Likert 5 mức độ, cho thấy SV hài lòng với ngành học ở mức khá cao. Cụ thể, có 64,3% ý kiến hài lòng; 13,9% ý kiến rất hài lòng; 20% ý kiến ở mức trung bình. Nhìn chung, mức độ từ hài lòng trở lên đạt 78,2%; nếu tính mức hài lòng từ trung bình trở lên thì đạt tới 98,2%. Tuy nhiên, vẫn còn 1,8% SV không hài lòng hoặc rất không hài lòng với

ngành học của mình. Trong đó, có 0,9% không hài lòng và 0,9% rất không hài lòng với ngành học.

Việc SV đi làm thêm chiếm tỷ lệ khá cao: có 70,4% SV đi làm thêm, 29,6% SV không làm thêm. Các công việc làm thêm của SV có thể chia thành hai nhóm: (1) các công việc liên quan đến ngành học như: Cộng tác hướng dẫn du lịch (15,3%), Lễ tân khách sạn (27%), Gia sư (13,5%); (2) các công việc không liên quan đến ngành học, đơn thuần để tạo

thêm thu nhập như: Nhân viên phục vụ (38,7%) và các công việc khác (5,4%).

4.2 Nhận thức nghề nghiệp của SV ngành Ngôn ngữ Pháp

Ở bậc đại học, mỗi ngành đào tạo thường gắn với nghề nghiệp nhất định, như ngành Y sẽ ra làm bác sĩ, ngành Chăn nuôi sẽ ra làm chăn nuôi, ngành Sư phạm tiếng Pháp sẽ ra dạy tiếng Pháp, v.v...

Tuy nhiên, ngành Ngôn ngữ Pháp lại không gắn với nghề nghiệp cụ thể, SV tốt nghiệp có thể làm khá nhiều nghề khác nhau. Nhìn chung, có thể chia hai loại: (1) những nghề sử dụng ngôn ngữ Pháp như là những kỹ năng chuyên môn, ví dụ như nghề biên - phiên dịch tiếng Pháp; (2) những nghề sử dụng ngôn ngữ Pháp như là công cụ giao tiếp, ví dụ các nghề trong lĩnh vực du lịch. Như vậy, nhận thức nghề nghiệp của SV ngôn ngữ Pháp sẽ bao gồm 2 vấn đề cơ bản: (1) nhận thức về kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ Pháp; (2) nhận thức về các ngành nghề sử dụng ngôn ngữ Pháp.

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết SV đã có dự định cho bản thân sau khi tốt nghiệp. Cụ thể, 64,3% SV dự định sẽ đi làm, 23,3% SV dự định sẽ học tiếp. Có 3,2% SV dự định khác như: tham gia khởi nghiệp, thành lập công ty, hoạt động tình nguyện viên quốc tế,... Tuy nhiên, cũng còn 8,7% SV chưa có dự định sau khi tốt nghiệp. Những SV này không quan tâm đến nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp và không có sự chuẩn bị cần thiết về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong tương lai.

Về các kênh thông tin được SV sử dụng để tìm hiểu việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ cao nhất là thông tin từ mạng internet. Trong thời đại bùng nổ về công nghệ thông tin, mạng internet đã trở thành kênh thông tin phổ biến về mọi lĩnh vực, trong đó có thông tin việc làm. Vì vậy, SV sử dụng internet để tìm hiểu việc làm là đương nhiên. Kênh thông tin đứng thứ hai là thông báo của nhà tuyển dụng. Các kênh thông tin tìm việc từ người thân, bạn bè, từ SV các khóa trước chiếm tỷ lệ thấp (Bảng 4).

Bảng 4: Kênh thông tin được SV sử dụng để tìm hiểu về việc làm sau khi tốt nghiệp

| | Tần suất | Tỷ lệ theo số ý kiến | Tỷ lệ theo số mẫu |
|----------------------|------------|----------------------|-------------------|
| Người thân, bạn bè | 59 | 18,3% | 51,3% |
| SV các khóa trước | 38 | 11,8% | 33,0% |
| Mạng internet | 103 | 32,0% | 89,6% |
| Báo chí | 24 | 7,5% | 20,9% |
| TV Radio | 11 | 3,4% | 9,6% |
| Hội chợ việc làm | 16 | 5,0% | 13,9% |
| Thông báo tuyển dụng | 70 | 21,7% | 60,9% |
| Khác | 1 | 0,3% | 0,9% |
| Tổng | 322 | 100,0% | 280,0% |

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2019 (N=115)

Về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn việc làm sau khi tốt nghiệp, SV cho rằng nhân tố quan trọng nhất là *Ý thích của bản thân*; nhân tố đứng thứ hai là *Xu hướng của xã hội*. Các nhân tố khác có ảnh hưởng không đáng kể (< 3 theo thang 5 bậc). Kết quả này cho thấy tính tự lập của SV chọn việc làm sau khi tốt nghiệp rất cao, khác với khi SV chọn ngành vào học đại học.

Bảng 5: Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn việc làm sau khi tốt nghiệp của SV

| | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|------------------------|------------|---------------|
| Mong muốn của gia đình | 2,73 | 1,231 |
| Ý thích của bản thân | 4,34 | 0,874 |
| Tư vấn của thầy cô | 2,99 | 1,030 |
| Ý kiến của bạn bè | 2,66 | 1,075 |
| Xu hướng của xã hội | 3,65 | 1,192 |

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2019 (N=115)

Về các tiêu chí chọn việc làm sau khi tốt nghiệp của SV, nhìn chung đều đạt mức cao. Cao nhất là tiêu chí: *Có thu nhập cao*. Tiếp theo, các tiêu chí: *Có triển vọng thăng tiến*, *Có cơ hội học thêm*, *Có môi trường làm việc tốt* đều đạt mức cao. Tiêu chí: *Được xã hội trọng vọng* có mức đánh giá thấp nhất, nhưng cũng đạt giá trị trung bình khá cao, gần 4 theo thang 5 bậc (Bảng 6).

Bảng 6: Các tiêu chí chọn việc làm sau khi tốt nghiệp của SV

| | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|----------------------------|------------|---------------|
| Đúng khả năng chuyên môn | 4,08 | 0,919 |
| Có thu nhập cao | 4,48 | 0,776 |
| Có triển vọng thăng tiến | 4,30 | 0,837 |
| Có cơ hội học thêm | 4,17 | 0,911 |
| Có môi trường làm việc tốt | 4,13 | 0,828 |
| Được xã hội trọng vọng | 3,99 | 0,950 |

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2019 (N=115)

4.3 Định hướng nghề nghiệp của sinh viên Ngôn ngữ Pháp

Kết quả khảo sát cho thấy, SV Ngôn ngữ Pháp có dự định sẽ làm việc trong nghề *Du lịch* sau khi

tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất. Tiếp theo là các lĩnh vực: *Nhân viên cơ quan đối ngoại; Biên - phiên dịch tiếng Pháp; Phóng viên, biên tập viên tiếng Pháp; Giảng dạy tiếng Pháp; Làm việc tại doanh nghiệp tiếng Pháp* và các lĩnh vực khác (Bảng 7).

Bảng 7: Định hướng nghề nghiệp của SV sau khi tốt nghiệp

| | Tần suất | Tỷ lệ theo số ý kiến | Tỷ lệ theo số mẫu |
|----------------------------------------|------------|----------------------|-------------------|
| Biên - phiên dịch tiếng Pháp | 45 | 19,6% | 39,5% |
| Làm việc ở các doanh nghiệp tiếng Pháp | 5 | 2,2% | 4,4% |
| Giảng dạy tiếng Pháp | 23 | 10,0% | 20,2% |
| Nhân viên cơ quan đối ngoại | 46 | 20,0% | 40,4% |
| Phóng viên, biên tập viên tiếng Pháp | 27 | 11,7% | 23,7% |
| Du lịch | 77 | 33,5% | 67,5% |
| Khac | 7 | 3,0% | 6,1% |
| Tổng | 230 | 100,0% | 201,8% |

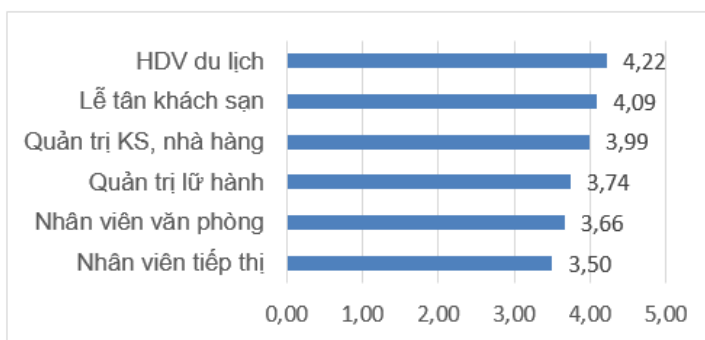
Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2019 (N=115)

Nhìn chung, SV Ngôn ngữ Pháp đánh giá cao nhu cầu nhân lực du lịch đối với ngành học này. Cụ thể, 53% ý kiến đánh giá là rất cao, 40,9% ý kiến đánh giá là cao. Tuy nhiên, cũng có 3,5% ý kiến không biết và 2,6% ý kiến không quan tâm. Đối với các ý kiến đánh giá cao và rất cao thì lý do là: (1) Lượng du khách tiếng Pháp ngày càng tăng nên cần có nhiều hướng dẫn viên và nhân viên lễ tân tiếng Pháp; (2) SV ngành Ngôn ngữ Pháp có năng lực tiếng Pháp tốt nên đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp du lịch. Ngoài ra, SV cho rằng: (3) Làm việc trong ngành du lịch sẽ giúp hoàn thiện hơn năng lực tiếng Pháp cho họ.

Về sự phù hợp giữa ngành Ngôn ngữ Pháp với các nghề trong du lịch, 61.7% ý kiến cho rằng phù

hợp; 29,6% cho rằng rất phù hợp. Tính chung lại có 91,3% ý kiến cho rằng ngành Ngôn ngữ Pháp phù hợp với nghề du lịch. Chỉ có 3,5% ý kiến cho rằng không phù hợp; 5,2% ý kiến ở mức trung bình.

Đánh giá về sự phù hợp của ngành Ngôn ngữ Pháp với các vị trí việc làm trong ngành du lịch, theo thang Likert 5 bậc, cao nhất là các vị trí: *HĐV du lịch* và *Lễ tân khách sạn*. Đây là những công việc đòi hỏi phải sử dụng tiếng Pháp trong giao tiếp với du khách. Các vị trí khác như: *Quản trị nhà hàng, khách sạn, Quản trị lễ hành, Nhân viên văn phòng, Nhân viên tiếp thị* được đánh giá ít thích hợp hơn do những công việc này không đòi hỏi phải giao tiếp trực tiếp với khách nên có thể không cần sử dụng tiếng Pháp (Hình 1).

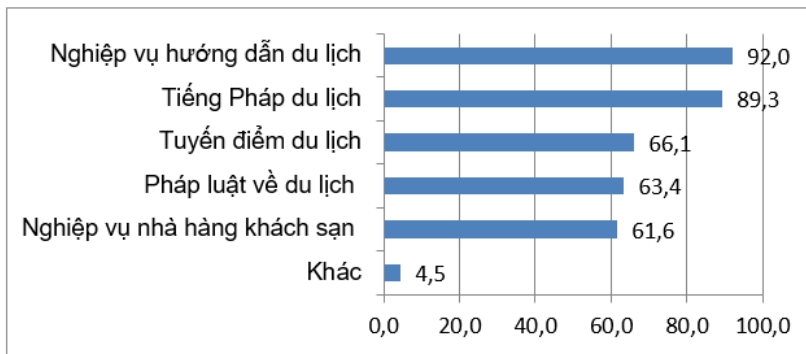


Hình 1: Sự phù hợp giữa việc làm trong du lịch với ngành Ngôn ngữ Pháp

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2019 (N=115)

Với câu hỏi: “SV Ngôn ngữ Pháp cần phải chuẩn bị những gì để có thể vào làm việc trong lĩnh vực du lịch sau khi tốt nghiệp?”, đa số SV đều cho rằng họ cần chuẩn bị về kiến thức, kỹ năng du lịch. Trong

đó, *Nghệ thuật hướng dẫn du lịch* chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp theo là: *Tiếng Pháp du lịch, Tuyển - điểm du lịch, Pháp luật về du lịch, Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn* (Hình 2).



Hình 2: Ý kiến về những vấn đề cần chuẩn bị để làm việc trong lĩnh vực du lịch

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2019 (N=115)

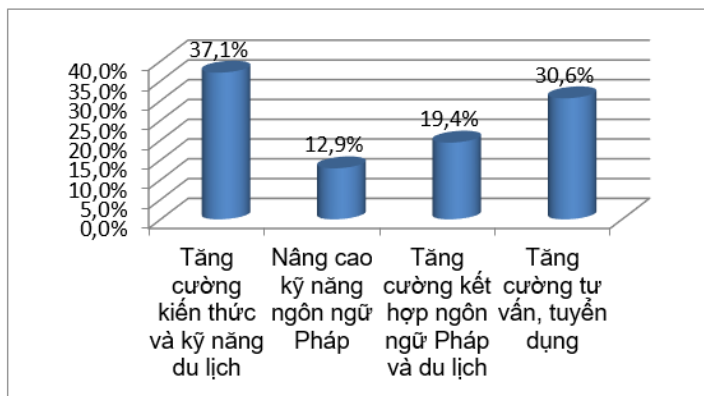
Tóm lại, SV Ngôn ngữ Pháp nhận thức rõ cơ hội nghề nghiệp đối với ngành du lịch. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu công việc trong lĩnh vực du lịch thì SV cần tăng cường tích lũy các kiến thức và kỹ năng du lịch. Vì vậy, 92,2% ý kiến trả lời là sẵn sàng tham gia các khóa học ngắn hạn để trau dồi kiến thức và kỹ năng du lịch.

4.4 Giải pháp nâng cao nhận thức nghề nghiệp về du lịch cho SV Ngôn ngữ Pháp

Theo Trần Thị Thu Hiền (2009), nhận thức nghề nghiệp của SV bao gồm: (1) Vốn hiểu biết về chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; (2) Nhận thức về

việc làm trong tương lai của SV. Như vậy, nội hàm của khái niệm “nhận thức nghề nghiệp của SV” bao trùm cả nội dung hướng nghiệp và cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

Qua kết quả khảo sát, có 62/115 ý kiến đề xuất các giải pháp nâng nhận thức nghề nghiệp và cơ hội việc làm trong du lịch đối với ngành Ngôn ngữ Pháp. Nhìn chung, các giải pháp có thể chia thành 4 nhóm: (1) *Tăng cường kỹ năng du lịch*, (2) *Nâng cao kỹ năng ngôn ngữ Pháp*, (3) *Tăng cường kết hợp ngôn ngữ Pháp và du lịch*, (4) *Tăng cường tư vấn, tuyển dụng* (Hình 3).



Hình 3: Các nhóm giải pháp nâng cao nhận thức nghề nghiệp về du lịch

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2019 (N=115)

Trong 4 nhóm giải pháp nêu trên, nhóm giải pháp: *Tăng cường kiến thức và kỹ năng du lịch* chiếm tỷ lệ cao nhất. Nhóm này bao gồm những giải pháp cụ thể như: *Nâng cao hiểu biết về tuyển-điểm du lịch, Tăng cường cho SV đi thực tế về du lịch, Nâng cao kỹ năng giao tiếp du lịch.*

Tiếp theo là nhóm giải pháp: *Tăng cường tư vấn, tuyển dụng việc làm về du lịch.* Nhóm này bao gồm các giải pháp như: *Tăng cường tư vấn việc làm cho SV, Cung cấp thêm thông tin tuyển dụng cho SV,*

Hướng nghiệp cho SV, Tạo việc làm về du lịch gắn với Ngôn ngữ Pháp, Mời các doanh nghiệp du lịch đến báo cáo chuyên đề.

Nhóm giải pháp: *Tăng cường kết hợp ngôn ngữ Pháp và du lịch* đứng thứ ba với các giải pháp cụ thể như: *Tạo cơ hội cho SV Ngôn ngữ Pháp tiếp xúc với khách, Tăng cơ hội thực hành du lịch và Ngôn ngữ Pháp, Thu hút SV tham gia CLB tiếng Pháp và CLB HDV Du lịch, Tăng cường giao lưu giữa SV Ngôn ngữ Pháp với SV Du lịch.*

Nhóm giải pháp đứng thứ tư là: *Nâng cao kỹ năng ngôn ngữ Pháp* gồm các giải pháp cụ thể như: *Rèn luyện kỹ năng Ngôn ngữ Pháp, Tạo cơ hội cho SV Ngôn ngữ Pháp tiếp xúc với khách tiếng Pháp để rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ, Chia sẻ kinh nghiệm với SV các khóa trước, v.v...*

5 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

5.1 Kết luận

Trong xu hướng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam ngày càng tăng, nhu cầu về nhân lực du lịch quốc tế, trong đó có nhân lực du lịch tiếng Pháp ngày càng lớn. TP. Cần Thơ là trung tâm du lịch của vùng ĐBSCL, du khách Pháp luôn đứng đầu trong lượng khách quốc tế đến du lịch ở đây. Vì vậy, việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực du lịch tiếng Pháp nói chung và HDV tiếng Pháp nói riêng đang là một yêu cầu cấp bách.

Chất lượng nguồn nhân lực du lịch quốc tế nói chung, nguồn nhân lực du lịch tiếng Pháp nói riêng, được thể hiện ở 2 khía cạnh cơ bản: (1) Kiến thức và kỹ năng du lịch; (2) Khả năng ngoại ngữ. Đối với SV ngành Ngôn ngữ Pháp, để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động ngành du lịch thì cũng cần đảm bảo vừa có kiến thức và kỹ năng du lịch, vừa có khả năng sử dụng ngôn ngữ Pháp.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, SV Ngôn ngữ Pháp nhận thức rõ cơ hội việc làm trong lĩnh vực du lịch, nhiều SV mong muốn sau khi tốt nghiệp được làm các công việc như HDV du lịch tiếng Pháp, hoặc lễ tân tiếng Pháp trong khách sạn. Để đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực du lịch, SV mong muốn được tăng cường thêm vốn kiến thức và kỹ năng du lịch như: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Tiếng Pháp du lịch, Tuyển - điểm du lịch, Pháp luật về du lịch và Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn.

5.2 Đề xuất

Từ thực trạng nhận thức nghề nghiệp về ngành du lịch của SV Ngôn ngữ Pháp nêu trên, nghiên cứu đưa ra một số đề xuất như sau:

- Tăng cường phối hợp giữa các đơn vị đào tạo nhân lực du lịch. Cụ thể, là phối hợp giữa Bộ môn Ngôn ngữ và văn hóa Pháp (đơn vị quản lý đào tạo ngành Ngôn ngữ Pháp) với Bộ môn Lịch sử - Địa lý - Du lịch (đơn vị quản lý đào tạo ngành Việt Nam học, chuyên ngành HDV du lịch) nhằm phối hợp giảng dạy các học phần chuyên ngành, tạo điều kiện cho SV giao lưu học hỏi lẫn nhau, tổ chức các báo cáo chuyên đề, hội thảo khoa học (seminar), tham gia các hoạt động dã ngoại, thực tế,...

- Tăng cường kiến thức và kỹ năng du lịch cho SV Ngôn ngữ Pháp. Mặc dù hiện nay, trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Pháp, Trường Đại học

Cần Thơ có học phần Tiếng Pháp Du lịch cho SV tự chọn. Tuy nhiên, học phần này chỉ là sử dụng tiếng Pháp trong lĩnh vực du lịch chứ không đi sâu vào nghiệp vụ du lịch. Tất nhiên, khung chương trình chính khóa không cho phép áp dụng các học phần chuyên ngành du lịch cho SV Ngôn ngữ Pháp, nhưng có thể áp dụng theo thức ngoại khóa để mở rộng hiểu biết cho SV về ngành du lịch.

- Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp du lịch như mời các nhà quản trị doanh nghiệp khách sạn, lữ hành du lịch báo cáo chuyên đề, tọa đàm về du lịch, tổ chức cho SV đến thực tập tại doanh nghiệp, tiếp cận thông tin về hoạt động nghiệp vụ của doanh nghiệp...

- Mở rộng các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ Tiếng Pháp du lịch, câu lạc bộ HDV tiếng Pháp, tạo điều kiện cho SV tham gia các khóa đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ HDV, chứng chỉ nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn,...

- Tăng cường công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho SV thông qua các kênh thông tin tuyển dụng nhân lực du lịch, tổ chức các hội chợ việc, hướng dẫn SV làm hồ sơ xin tuyển dụng, giới thiệu việc làm cho SV,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2011. Quyết định số 3066/QĐ-BVHTTDL ngày 29/9/2011 về việc “Ban hành Quy hoạch phát triển nhân lực du lịch giai đoạn 2011-2020”, ngày truy cập 20/5/2019. Địa chỉ <https://bvhttdl.gov.vn/quy-hoach-phat-trien-nhan-luc-nganh-du-lich-giai-doan-2011-2020-9771.htm>.
- Dương Thị Thoan, 2013. Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên ngành Sư phạm Trường Đại học Hồng Đức. Đề tài NCKH cấp cơ sở. Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.
- Đào Thị Thu, 2017. Nghiên cứu nhận thức của sinh viên Khoa Giáo dục mầm non, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Khóa luận tốt nghiệp đại học Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Thành phố Thái Nguyên.
- Hing, N., and Lomo E., 1997. Careers for tourism graduates: Choice or chance. *Hospitality and Tourism Educator*, 9(1): 77 - 84.
- Hoàng Thị Kim Oanh, Trần Thị Hồng và Đặng Thị Xen, 2017. Nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*. 1: 150-159.
- Huỳnh Quốc Thắng, 2019. Đào tạo và xây dựng nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập, ngày truy cập 08/6/2019. Địa chỉ <http://vitea.vn/dao- tao- va- xay- dung- nguon- nhan- luc- du- lich- trong- thoi- dai- hoi- nhap/>.

- ILO, 2004. An Introduction to Labour Statistics in Tourism, accessed on 18 May 2019. Available from http://statistics.unwto.org/sites/all/files/pdf/ilo_b_eng.pdf
- Khánh Trang, 2019. Khách du lịch quốc tế toàn cầu đạt mức tăng trưởng 6% năm 2018, ngày truy cập 05/6/2019. Địa chỉ <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/28600>.
- Ngô Hoài Chung, 2019. Du lịch Việt Nam trước vận hội mới, ngày truy cập 20/5/2019. Địa chỉ <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/28165>.
- Nguyễn Thị Minh Thư, 2019. Khảo sát nhu cầu HDV du lịch tiếng Pháp tại TP. Cần Thơ. Đề tài NCKH của SV. Trường Đại học Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.
- Nguyễn Thị Thu Trang, 2017. Sinh viên thất nghiệp sau khi ra trường - Nguyên nhân và cách khắc phục, ngày truy cập 20/5/2019. Địa chỉ [//tapchicongthuong.vn/bai-viet/sinh-vien-that-nghiep-sau-khi-ra-truong-nguyen-nhan-va-cach-khac-phuc-48972.htm](http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/sinh-vien-that-nghiep-sau-khi-ra-truong-nguyen-nhan-va-cach-khac-phuc-48972.htm).
- Pearlman, D. M., and Schaffer, J. D., 2013. Labor issues within the hospitality and tourism industry: A study of Louisiana's attempted solutions. *Journal of Human Resources in Hospitality and Tourism*. 12(3): 217-242.
- Phạm Thị Lan Hương và Trần Triệu Khôi, 2010. Nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Quản trị Marketing tại Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, 5(40): 165-167.
- Stefanescu A.N., 2012. Choice of tourism and hospitality as a study programme and a career path: analysis of the master student's motivations, expectations and perception. Master Thesis. University of Southern Denmark, accessed on 18 May 2019. Available from <http://www.cek.ef.uni-lj.si/magister/stefanescu924-B.pdf>
- Tổng cục Du lịch, 2019. Cơ sở dữ liệu trực tuyến về HDV, ngày truy cập 20/5/2019. Địa chỉ <http://www.huongdanvien.vn/index.php/guide/cat/05>
- Trần Thị Thu Hiền, 2009. Định hướng nghề nghiệp của SV sau khi ra trường hiện nay (Nghiên cứu trường hợp Trường Đại học KHXH & NV). Luận văn cao học. Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội, Thành phố Hà Nội.